

ĐOÀN TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM
ĐOÀN KHOA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM GIA HOẠT ĐỘNG
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025 - 2026

- 1. Tên hoạt động:** SHCD tháng 11
- 2. Thời gian tổ chức:** 01/11/2025 – 31/11/2025
- 3. Địa điểm tổ chức:** Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM (cơ sở 2)
- 4. Thông tin người phụ trách:** Nguyễn Duy Minh Quân – Phó Bí thư Đoàn khoa (0377049060).

4. Danh sách sinh viên tham gia:

STT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Khoa
1	25250070	Nguyễn Duy Tân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
2	25250046	Trần Quang Nghị	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
3	25250032	Phạm Anh Khôi	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
4	25250071	Lê Công Thành	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
5	25250036	Trần Tuấn Kiệt	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
6	25250041	Nguyễn Tuấn Minh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
7	25250029	Trần Đăng Khoa	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
8	25250037	Phạm Khánh Linh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
9	25250060	Trần Trọng Quý	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
10	25250072	Tổng Hữu Thành	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
11	25250080	Nguyễn Trung Tiến	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
12	25250059	Ngô Uyển Quân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
13	25250045	Ngô Bích Ngân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
14	25250035	Phạm Tuấn Kiệt	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

15	25250063	Cao Trường Sơn	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
16	25250018	Bùi Tiến Hoàng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
17	25250019	Cao Khánh Hưng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
18	25250052	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
19	25250065	Trần Thanh Sơn	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
20	25250020	Lê Quốc Hưng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
21	25250047	Đinh Ngọc Tuấn Nghĩa	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
22	25250043	Bùi Ngọc Mỹ	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
23	25250049	Lê Thành Nguyên	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
24	25250004	Nguyễn Quốc Bình	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
25	25250027	Đào Thị Kim Khánh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
26	25250077	Xàu Anh Thư	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
27	25250064	Nguyễn Phạm Thái Sơn	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
28	25250058	Lê Minh Quân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
29	25250015	Nguyễn Ngọc Hiếu	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
30	25250014	Nguyễn Hữu Minh Hiếu	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
31	25250076	Phan Trần Anh Thư	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
32	25250028	Nguyễn Đăng Khoa	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
33	25250042	Ngô Khả My	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
34	25250055	Phạm Nhất Phúc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

35	25250062	Nguyễn Võ Mai Quỳnh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
36	25250048	Đặng Huỳnh Bảo Ngọc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
37	25250001	Trần Mai Anh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
38	25250057	Nguyễn Võ Minh Phương	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
39	25250054	Phùng Vĩnh Phát	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
40	25250010	Đinh Đỗ Nam Hải	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
41	25250068	Nguyễn Tuấn Tài	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
42	25250023	Nguyễn Quốc Huy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
43	25250062	Nguyễn Võ Mai Quỳnh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
44	25250056	Nguyễn Phan Phi Phụng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
45	25250003	Trần Quốc Bảo	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
46	25250024	Trần Gia Huy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
47	25250039	Nguyễn Hoàng Long	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
48	25250069	Hoàng Kim Tân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
49	25250079	Đào Thị Ngọc Thuý	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
50	25250007	Chu Nguyễn Anh Dũng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
51	25250044	Vũ Ngọc Nga	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
52	25250009	Trần Dương Hương Giang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
53	25250008	Nguyễn Bá Đức Duy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
54	25250033	Bùi Chí Kiên	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

55	25250075	Lưu Nguyễn Song Thu	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
56	25250021	LÂM GIA HUY	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
57	25250073	Huỳnh Ánh Thảo	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
58	25250061	Nguyễn Nhật Quỳnh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
59	25250038	Phan Minh Lộc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
60	25250034	Huỳnh Tuấn Kiệt	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
61	25250017	Trần Đình Hiếu	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
62	25250025	Trần Lê Khánh Huyền	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
63	25250067	Đinh Tấn Tài	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
64	25250031	Nguyễn Phạm Minh Khôi	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
65	25250013	Lê Quốc Hậu	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
66	25250022	Nguyễn Đăng Lê Huy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
67	25250081	Trần Văn Minh Tiến	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
68	25250055	Phạm Nhất Phúc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
69	25250053	Tạ Mỹ Nhi	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
70	25250082	Nguyễn Trọng Tín	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
71	25250083	Nguyễn Thành Trí	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
72	25250084	Đinh Hoàng Hải Triều	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
73	25250085	Đào Minh Thanh Trúc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
74	25250086	Võ Hoàng Thiên Trúc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

75	25250087	Phan Nguyễn Thành Trung	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
76	25250088	Hồ Lê Xuân Trường	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
77	25250089	Quách Thanh Tùng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
78	25250090	Lâm Thị Thuỳ Vân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
79	25250091	Đinh Nguyễn Tấn Vương	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
80	25250092	Trần Hà Hoàng Vy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
81	25250093	Trần Phương Bảo Vy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
82	25250094	Đặng Thị Thu Yển	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
83	25250095	Dương Lâm Xuân Yển	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
84	25250096	Nguyễn Trần Nhật Huy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
85	25250097	Ngô Khải Luân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
86	25250098	Nguyễn Thanh Nghĩa	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
87	25250099	Huỳnh Trung Nguyên	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
88	25250100	Nguyễn Thành Nhân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
89	25250101	Phạm Ngọc Thiên Thư	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
90	25250102	Nguyễn Kim Diệu Thuần	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
91	25250103	Nguyễn Hoàng Tiến	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
92	25250104	Nguyễn Thị Tường Vi	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
93	25250105	Đặng Quang Vinh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
94	25250106	Hồ Hải Vy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

95	25250107	Trần Như Ý	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
96	25250108	Huỳnh Thị Bích Ngân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
97	25250109	Đỗ Tiến An	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
98	25250110	Lê Hoài An	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
99	25250111	Phạm Thị Ngọc An	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
100	25250112	Phan Trường An	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
101	25250113	Trần Quốc An	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
102	25250114	Đỗ Ngọc Anh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
103	25250115	Lâm Hoàng Gia Bảo	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
104	25250116	Trịnh Gia Bảo	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
105	25250117	Mạc Minh Chánh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
106	25250118	Trần Tổng Linh Đan	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
107	25250119	Nguyễn Hải Đăng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
108	25250120	Nguyễn Ngọc Danh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
109	25250121	Đỗ Tấn Đạt	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
110	25250122	Lâm Tiến Đạt	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
111	25250123	Nguyễn Thành Đạt	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
112	25250124	Nguyễn Đức Duy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
113	25250125	Hà Ngô Minh Hào	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
114	25250126	Huỳnh Hoàng Hoa	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

115	25250127	Nguyễn Đức Hưng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
116	25250128	Trần Đình Gia Hưng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
117	25250129	Trần Dương Mạnh Hưng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
118	25250130	Đỗ Thị Như Huỳnh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
119	25250131	Đoàn Tuấn Khang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
120	25250132	Nguyễn Đỗ Phúc Khang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
121	25250133	Nguyễn Minh Khang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
122	25250134	Trần Quang Long	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
123	25250135	Lê Nguyễn Trúc Ly	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
124	25250136	Trần Lê Ái My	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
125	25250137	Ngô Phạm Minh Nhật	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
126	25250138	Dương Quang Phúc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
127	25250139	Đinh Châu Ngọc Phương	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
128	25250140	Phạm Minh Quân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
129	25250141	Đặng Anh Tài	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
130	25250142	Huỳnh Nhật Anh Tài	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
131	25250143	Võ Minh Tài	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
132	25250144	Đoàn Thanh Thảo	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
133	25250145	Hồ Quốc Thiên	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
134	25250146	Bùi Thiện Huy Thịnh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

135	25250147	Nguyễn Đức Thông	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
136	25250148	Trần Thị Minh Thư	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
137	25250149	Nguyễn Hữu Phú Thuận	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
138	25250150	Dương Nguyễn Nhật Tiến	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
139	25250151	Quách Phước Tiền	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
140	25250152	Phạm Kiều Trâm	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
141	25250153	Liêu Giải Trân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
142	25250154	Phan Thanh Triều	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
143	25250155	Phạm Nguyễn Anh Tú	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
144	25250156	Phạm Nguyễn Hoàng Tuấn	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
145	25250157	Nguyễn Huỳnh Phước Vinh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
146	25250158	Đinh Trần Hoàng Vũ	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
147	25250159	Trần Quốc Đạt	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
148	25197003	AN TÚ ANH	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
149	25197006	ĐẶNG MINH HÀO	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
150	25197007	ĐẶNG HUY HOÀNG	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
151	25197009	CAO GIA HUY	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
152	25197010	NGUYỄN QUỐC KHẢI	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
153	25197011	MAI NGỌC DUY KHANG	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
154	25197012	TRẦN BẢO KHANG	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

155	25197014	TRƯỜNG MINH KHANG	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
156	25197015	PHẠM ĐĂNG KHOA	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
157	25197016	ÂU DƯƠNG ĐỨC LỄ	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
158	25197020	PHẠM NGUYỄN NHƯ NGỌC	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
159	25197021	VÕ HOÀNG MINH NGỌC	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
160	25197022	NGUYỄN NGỌC MINH NHẬT	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
161	25197023	QUÁCH LẬP PHONG	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
162	25197030	NGUYỄN HUỲNH BẢO THANH	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
163	25197032	ĐINH QUANG QUÝ TRÂN	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
164	25197033	VÕ MINH TRÍ	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
165	25197034	VÕ ANH TUẤN	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
166	25197036	NGUYỄN QUANG VINH	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
167	25197037	NGUYỄN CHÂU UYÊN VY	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
168	25197041	TRẦN NGỌC CÁT TƯỜNG	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
169	25197042	PHẠM BẢO ANH THƯ	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
170	25197046	NGUYỄN HOÀNG ĐẠT	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
171	25197048	NGUYỄN TẤN HÙNG	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
172	25197049	ĐINH HOÀNG MINH HUY	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
173	25197051	LÊ QUỐC KHÁNH	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
174	25197052	LÊ KIẾN LÂN	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

175	25197056	HUỖNH MINH NHẬT	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
176	25197057	LÝ QUANG PHÚ	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
177	25197059	TRƯỜNG SẮC	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
178	25197060	NGUYỄN HỒNG THẮNG	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
179	25197062	PHAN ĐỨC TIẾN	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
180	25197065	TRƯỜNG THẢO VY	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
181	25197066	NGUYỄN ĐỖ YÊN BÌNH	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

Danh sách gồm có **181** sinh viên./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 11 năm 2025

TM BCH ĐOÀN KHOA
Phó Bí thư

Người lập bảng

Nguyễn Duy Minh Quân

Nguyễn Duy Minh Quân